TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lil

Bà Đỗ Kim Phụng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 642/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Huỳnh Cẩm T**, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H1, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 22 tháng 4 năm 2024.

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Tuấn A**, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐL, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Tuấn A tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Uỷ ban nhân xã LĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/01/2022. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Lâm Tuấn A thường xuyên nhậu về nhà có hành vi bạo lực gia đình là đánh chị nhiều lần, ngày 25/10/2023 anh Lâm Tuấn A tiếp

tục có hành vi đánh chị và hâm doạ sẽ giết chị làm chị rất lo sợ. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh Lâm Tuấn A nên yêu cầu ly hôn với anh Lâm Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Lâm Tuấn A không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/11/2023 chị yêu cầu chia đôi tài sản chung với anh Lâm Tuấn A là 11 chỉ vàng 24k. Nay chị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung nêu trên, không yêu cầu chia đôi tài sản chung là 11 chỉ vàng 24k nữa. Đây là ý kiến tự nguyện của chị.

Về nợ chung: Chị và anh A không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Tuấn A trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2023:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Uỷ ban nhân dân xã LĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/01/2022. Trong thời gian chung sống anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn, trong lúc anh và chị T mâu thuẫn cãi vả với nhau thì anh có dùng tay đánh vào đầu, vào cổ, vào người của chị T làm chị T chấn thương vùng đầu, vai, tay nhưng thương tích không nhiều. Sau khi mâu thuẫn sảy ra thì mẹ và anh trai của anh có đưa chị T đến bệnh viện để điều trị. Ngoài lần đánh nêu trên thì anh cũng nhiều lần dùng tay đánh vào người chị T, lý do sảy ra việc anh đánh chị T là do mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày. Cha mẹ hai bên đã nhiều lần hàn gắng tình cảm cho anh và chị T nhưng không thành, do chị T không hàn gắng tình cảm với anh. Do anh còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T có tài sản chung là 01 lượng vàng 24k, là vàng cha mẹ anh cho trong ngày cưới; sau khi cưới chị T về thì anh lấy vàng để vào tủ cất, sau đó anh và chị T cần tiền sử dụng nên đã bán 02 chỉ vàng 24k để tiêu xài, hiện nay còn 08 chỉ vàng 24k. Do anh và chị T phát sinh mâu thuẫn nên anh đã đưa 08 chỉ vàng 24k cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Ph giữ. Nay chị T yêu cầu chia đôi 08 chỉ vàng 24k thì anh không đồng ý chia đôi cho chị T.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại

Điều 70, 71, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227, 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Cẩm T đối với anh Lâm Tuấn A; về con chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với yêu cầu chia đôi 11 chỉ vàng 24k; Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Cẩm T yêu cầu ly hôn với anh Lâm Tuấn A, anh Lâm Tuấn A cư trú tại ấp ĐL, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Huỳnh Cẩm T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Lâm Tuấn Anh đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh A theo quy định của pháp luật.

[3] Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/11/2023 chị T yêu cầu chia đôi với anh Lâm Tuấn A 11 chỉ vàng 24k. Tại Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/01/2024 chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia đôi 11 chỉ vàng 24k với anh Lâm Tuấn A. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu chia đôi 11 chỉ vàng 24k.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu ly hôn anh A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh A tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Uỷ ban nhân xã LĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/01/2022 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị T xác định trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh A nhiều lần đánh chị làm chị rất hoãn sợ nên chị không thể tiếp tục chung

sống với anh A. Còn anh A xác định không đồng ý ly hôn với chị T do còn thương vợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2023 (Bút lục 32-33) anh Anh xác định: *"... Trong thời gian chung sống anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn, trong lúc cãi vả thì anh có dùng tay đánh vào đầu, vào cổ, vào người của chị T làm chị T chấn thương vùng đầu, vai, tay nhưng thương tích không nhiều, ngoài lần đánh nêu trên thì anh cũng nhiều lần dùng tay đánh vào người chị T, cha mẹ hai bên đã nhiều lần hàn gắng tình cảm cho anh và chị T nhưng không thành..."*. Như vậy, có căn cứ xác định trong thời gian chung sống chị T và anh A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh A có hành vi bạo lực gia đình, đã nhiều lần đánh chị T làm ảnh hưởng đến sức khoẻ và tinh thần của chị T, đây là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Lâm Tuấn A.

[5] Về con chung: Chị T và anh A đều xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T và anh A xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, khoản 3 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Cẩm T đối với anh Lâm Tuấn A.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với yêu cầu chia đôi 11 chỉ vàng 24k.

3. Về con chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Huỳnh Cẩm T phải chịu, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009685 ngày 07/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Huỳnh Cẩm T tiền tạm ứng án phí số tiền 824.000 đồng theo biên lai thu số 0009687 ngày 07/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, chị Huỳnh Cẩm T và anh Lâm Tuấn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã LĐ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni